

VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO CHỨC SẮC CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM TỪ NĂM 1990 ĐẾN NAY

NGUYỄN VĂN THUYỀN^(*)

Đào tạo chức sắc luôn là mối quan tâm trong tiến trình phát triển của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Đây là một vấn đề có tính đặc thù của công cuộc truyền giáo tại Việt Nam. Vì vậy, từ lâu, vấn đề này đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của giới sử gia Công giáo và giới nghiên cứu khoa học xã hội ngoài Công giáo.

Trên cơ sở kế thừa thành tựu nghiên cứu của những người đi trước, chúng tôi tiếp tục tìm hiểu thêm một số vấn đề xung quanh việc đào tạo chức sắc của Giáo hội Công giáo Việt Nam, nhất là trong giai đoạn từ năm 1990 đến nay. Bài viết này tập trung làm rõ thực trạng vấn đề đào tạo chức sắc của Giáo hội Công giáo Việt Nam: vấn đề tuyển sinh, vấn đề đội ngũ giảng dạy, nội dung chương trình đào tạo, kết quả đào tạo và một vài nhận xét bước đầu về công tác đào tạo trong thời gian qua.

I. KHÁI QUÁT VỀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO CHỨC SẮC CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM TỪ SAU NĂM 1975

1- Đường hướng đào tạo chức sắc của Giáo hội Công giáo Việt Nam

Sau năm 1975, giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước, Giáo hội Công giáo Việt Nam tuy không có những xáo trộn lớn như năm 1954 nhưng cũng có ít nhiều

biến động. Tình trạng thiếu linh mục quản nhiệm giáo xứ ở các giáo phận Miền Bắc đến thời điểm này vẫn chưa có điều kiện khắc phục. Mỗi linh mục ngoài việc làm chính xứ ở giáo xứ của mình còn phải kiêm nhiệm khoảng từ 3 đến 5 giáo xứ, giáo họ khác trong vùng. Giải pháp tạo nguồn bằng cách kèm cặp, đào tạo tại chỗ vẫn được áp dụng một cách triệt để. Mặc dù các đại chủng viện, nơi đào tạo chức sắc Công giáo không hoạt động, nhưng các giáo phận đã khắc phục bằng cách đào tạo linh mục theo lối kèm cặp tại các giáo xứ. Ở đó, mỗi linh mục được giao kèm cặp, đào tạo một hoặc vài người, thường là các chủng sinh vốn đã học ở các đại chủng viện, khi chủng viện đóng cửa thì họ về quê làm ăn sinh sống bình thường nhưng vẫn kiên trì tu học. Sau quá trình kèm cặp, từng giáo phận xem xét và phong chức linh mục cho họ. Do vậy, chất lượng đào tạo chức sắc ở giai đoạn này, nhìn chung chưa cao, chưa đúng quy trình, chủ yếu là qua sự kèm cặp hoặc hàm thụ.

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (1986) đã mở ra một kỉ nguyên mới làm thay đổi một cách toàn diện và sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có vấn đề tôn giáo.

Đối với Giáo hội Công giáo Việt Nam, để tiếp tục công tác đào tạo chức sắc, Nhà nước Việt Nam cho phép mở cửa trở lại và

*. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

thành lập mới 6 đại chủng viện ở Hà Nội, Vinh, Huế, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Việc Nhà nước cho phép mở lại hoặc thành lập mới các đại chủng viện góp phần quan trọng vào việc khắc phục tình trạng thiếu hụt linh mục, đồng thời mở ra một thời kì mới trong việc đào tạo chức sắc ở các chủng viện Việt Nam.

Về đường hướng đào tạo ở các chủng viện này đều tuân thủ theo *Sắc lệnh về đào tạo linh mục* (Optatum Totius) của Giáo hội Công giáo Hoàn vũ ban hành ngày 28/10/1965. Tuy nhiên, phương thức đào tạo được phép áp dụng linh hoạt cho phù hợp với từng địa phương, từng dân tộc và từng thời kì cụ thể để việc đào tạo chức sắc luôn đáp ứng những nhu cầu mục vụ ở địa phương, nơi mà các linh mục phải thi hành chức trách tôn giáo của mình.

Các giám mục Việt Nam luôn quan tâm và lo lắng đối với vấn đề đào tạo chức sắc. Điều này được thể hiện qua các *Thư Mục vụ*.

Trong *Thư Mục vụ 1976*, các giám mục nhắc nhở linh mục, chủng sinh hình ảnh Chúa Kitô, căn tính của linh mục, như là thừa tác viên của lời Chúa và các bí tích, đặc biệt là bí tích Thánh Thể, lòng khiêm tốn và vâng phục. Luôn hoán cải và canh tân đời sống theo thánh ý Thiên Chúa, trong hiệp thông và tình liên đới với mọi người.

Trong *Thư Chung 1980*, các giám mục nhấn mạnh đường hướng mục vụ: sống gần gũi với Chúa Giêsu và hiệp thông với Giáo hội Công giáo Hoàn vũ, gắn bó với Giáo hoàng và trung thành với Công đồng Vatican II. Các giám mục kêu gọi người Công giáo “sống phúc âm giữa lòng dân tộc với tinh thần phục vụ hạnh phúc của mọi người”.

Về việc đào tạo chức sắc, *Thư Mục vụ 1998* nhắc nhở rằng, sự gương mẫu của các nhà đào tạo có một vai trò then chốt trong tiến trình đào tạo và ơn gọi tu sĩ. Linh mục luôn được chăm sóc, nuôi dưỡng đồng thời là loan báo Tin Mừng và canh tân Giáo hội.

Mới đây, trong *Thư Mục vụ 2004*, các giám mục Việt Nam tập trung đường hướng vào việc đào tạo đời sống thiêng liêng, mẫu nhiệm Chúa Giêsu Thánh Thể. Các linh mục phải làm chứng về lòng tin, lòng sùng kính và yêu mến đối với Thánh Thể. Điều này diễn tả qua cách thức cử hành, cầu nguyện trước Thánh Thể và mang Thánh Thể tới cho người bệnh.

Như vậy, đường hướng căn bản của công tác đào tạo chức sắc của Giáo hội Công giáo Việt Nam là giúp các chủng sinh trưởng thành trong mối tương quan giữa cá nhân với Chúa Giêsu Kitô nhằm mục đích cam kết dẫn thân cho Hội Thánh, nghĩa là giúp họ thiết lập nên những thái độ, thói quen và cách thức thực hành đời sống thiêng liêng mà họ sẽ tiếp tục duy trì sau khi chịu chức linh mục⁽¹⁾.

2. Hiện trạng các đại chủng viện Công giáo ở Việt Nam

Về đội ngũ giảng sư. Hiện nay, Giáo hội Công giáo Việt Nam có 3 đại chủng viện có đội ngũ *giảng sư* (những người giảng dạy trong các đại chủng viện đạo Công giáo, gọi chung là *giảng sư*) tại chỗ tương đối đông là Đại chủng viện Thánh Giuse Thành phố Hồ Chí Minh, Đại chủng viện Thánh Quý (Cần Thơ) và Đại

1. Xem thêm: Linh mục Vincentê Trần Văn Hào, Linh mục Gioan Baotixita Nguyễn Minh Thực chuyển ngữ từ nguyên bản tiếng Anh của Linh mục Micae Phaolô Trần Minh Huy. *Đào tạo và tự đào tạo thiêng liêng của các linh mục tương lai trong bối cảnh Việt Nam ngày nay*. Đại chủng viện Huế, năm 2006. Chương V. tr. 5.

chủng viện Sao Biển (Nha Trang). Ba đại chủng viện còn lại là Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội, Đại chủng viện Vinh - Thanh và Đại chủng viện Huế đều thiếu giảng sư trầm trọng.

Theo thống kê năm 2004 của Ủy ban Giám mục đặc trách về Giáo sĩ - Chủng sinh của Hội đồng Giám mục Việt Nam: Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội có 04 giảng sư tại chỗ, 14 giảng sư thỉnh giảng. Đại chủng viện Vinh - Thanh có 04 giảng sư tại chỗ, 03 giảng sư thỉnh giảng. Đại chủng viện Huế có 08 giảng sư tại chỗ, 19 giảng sư thỉnh giảng.

Nhiều giảng sư các đại chủng viện có 2 bằng cử nhân: một bằng cử nhân thần học và một bằng cử nhân tâm lý học hoặc một chuyên ngành khoa học xã hội nào đó. Nhiều người trong số đó đã có học vị thạc sĩ, tiến sĩ. Hầu hết giảng sư các đại chủng viện được Giáo hội Công giáo Việt Nam chọn lựa từ số linh mục đã qua con đường tu học ở nước ngoài.

Về tổ chức bộ máy. Các đại chủng viện sau khi được cấp phép đã đi vào hoạt động ổn định. Cơ cấu tổ chức của một đại chủng viện gồm:

- Ban Giám đốc: Giám đốc, Phó giám đốc, 1 linh mục *giám luật* (duy trì kỉ luật); 1 linh mục *giám học* (chịu trách nhiệm về học tập); 1 linh mục phụ trách về đối ngoại, quản lí chủng sinh.

- Ban Giảng huấn: Linh mục thường trú (kể cả Ban Giám đốc), các linh mục thỉnh giảng, linh mục linh hướng⁽²⁾, linh mục giám học, kỉ luật, v.v...

- Bộ phận hậu cần: Gồm các nữ tu phục vụ hậu cần và một số nhân viên chăm lo sinh hoạt dọn dẹp vệ sinh chủng viện.

Về công tác chiêu sinh. Thời gian đầu, các đại chủng viện chiêu sinh 6 năm 1 lần, sau này rút xuống 3 năm 1 lần và

gần đây được phép chiêu sinh 2 năm 1 lần⁽³⁾. Việc chiêu sinh được các đại chủng viện duy trì đều đặn. Số lượng chủng sinh do Ban Tôn giáo Chính phủ quy định cho mỗi khoá thông qua giám mục các giáo phận và UBND các tỉnh, thành phố có liên quan xem xét, chấp thuận.

Về nội dung giảng dạy. Cho đến nay, Hội đồng Giám mục Việt Nam chưa thống nhất được chương trình, nội dung các môn học về tôn giáo (các môn học chính thức được giảng dạy trong các đại chủng viện) cho các đại chủng viện. Do vậy, đại chủng viện đặt ở giáo phận nào, thì giám mục giáo phận đó ấn định nội dung, chương trình học tập.

Môn giáo dục công dân là một trong những môn học chính trong các đại chủng viện như môn học về tôn giáo, tuy nhiên thời lượng các môn học này không giống nhau.

Về cơ sở vật chất. Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội là nơi khó khăn nhất về cơ sở vật chất trong 6 đại chủng viện. Hiện nay, cơ sở này còn nằm chung trong Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, thiếu nơi sinh hoạt, học tập, vui chơi cho chủng sinh. Hiện tại đại chủng viện này đang hoàn thành việc xây dựng cơ sở mới tại Cổ Nhuế, Hà Nội và cơ sở II tại Bùi Chu, Nam Định. Đại chủng viện Thánh Giuse TP. Hồ Chí Minh đang trong tình trạng quá tải. Các đại chủng viện còn lại điều kiện vật chất tương đối đầy đủ hơn.

Trên đây là một số nét khái quát về thực trạng của các đại chủng viện Công

2. Là một công tác mục vụ đặc biệt (kích thích đức tin), nhằm giúp chủng sinh lớn lên trong mối tương quan với Chúa Cha, cởi mở đáp lại Chúa Kitô sẵn sàng để Chúa Thánh Thần hướng dẫn, ngõ hầu biết phân định ơn gọi của mình và chuẩn bị cho sứ vụ linh mục trong giáo hội.

3. Năm 2005, Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội được phép chiêu sinh 1 năm 1 lần.

giáo ở Việt Nam từ khi Nhà nước cho phép hoạt động trở lại. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, các cơ sở đào tạo này còn bộc lộ một số vấn đề cần quan tâm, nhất là giai đoạn từ năm 1990 đến nay.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CHỨC SẮC CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM TỪ NĂM 1990 ĐẾN NAY

1- Vấn đề tuyển chọn chủng sinh

Việc tuyển chọn ứng sinh tu học tại các đại chủng viện thuộc thẩm quyền của giám mục giáo phận. Thông thường, Văn phòng đặc trách ơn gọi của mỗi giáo phận chịu trách nhiệm tuyển chọn các ứng viên để đào tạo linh mục. Tuy nhiên, vấn đề này còn tùy thuộc vào sự chấp thuận của Nhà nước. Dựa vào ý kiến của cơ quan chức năng, UBND tỉnh, thành phố sẽ chấp thuận hay không chấp thuận và gửi cho giám mục bằng văn bản ý kiến của chính quyền đối với các ứng viên.

Việc chiêu sinh tại các đại chủng viện được thực hiện theo quy trình sau: Khi chuẩn bị khoá mới, Ban Giám đốc đại chủng viện có văn bản đề nghị Ban Tôn giáo Chính phủ chấp thuận về số lượng chủng sinh, nội dung chương trình giảng dạy, số năm học của mỗi khoá và thời gian thực tập (qua UBND tỉnh, thành phố nơi có đại chủng viện). Khi nhận được văn bản thông báo, đại chủng viện phân bổ chỉ tiêu cho từng giáo phận. Giám mục giáo phận lập danh sách gửi UBND tỉnh, thành phố liên quan xem xét chấp thuận cho ứng sinh đi học. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân khác nhau, cách giải quyết việc này ở các tỉnh, thành phố chưa thống nhất. Điều này dẫn đến việc một số khoá học đại chủng viện chiêu sinh không đủ số lượng đã ấn định.

Về phía các giáo phận cũng đưa ra một số tiêu chuẩn đối với các ứng sinh trước

khí vào đại chủng viện. Nhìn chung, họ phải tốt nghiệp trung học phổ thông, đã tham gia nhóm tu sinh của giáo phận, đã trải qua thời gian đào tạo tiền chủng viện tại giáo phận. Nhưng hiện nay, ở một số giáo phận, việc đòi hỏi các ứng sinh phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc hệ tại chức đã gây ra một số khó khăn cho các ứng sinh. Bởi vì, nhiều người trong số họ xuất thân từ các giáo xứ nông thôn. Nhiều người do hoàn cảnh nghèo khó, phải lao động để giúp đỡ gia đình, nên khó đạt được bằng cấp theo quy định.

Những nguyên nhân này gây ra khó khăn về tài chính cho nhiều ứng sinh xuất thân từ các gia đình nghèo. Nhiều gia đình nông thôn phải bán một số tài sản có giá trị để duy trì “ơn gọi” của con mình. Nhiều ứng sinh phải tự đảm đương gánh nặng tài chính bằng cách đi dạy kèm, hoặc tìm kiếm người bảo trợ. Không ít trong số họ kiên trì hi vọng được vào tu học tại các đại chủng viện. Tuy nhiên, nhiều người không thể chờ đợi lâu nên đã lập gia đình.

Bên cạnh đó, sau khi tốt nghiệp đại học, do phải chờ đợi lâu vì có nhiều ứng sinh muốn được nhập học nên một số ứng sinh đã vi phạm quy chế thi cử vào đại chủng viện.

Về hồ sơ lí lịch, chủng sinh chỉ cần làm đầy đủ trước khi nhập học ở các đại chủng viện. Sau khi kết thúc khoá học, Toà Giám mục gửi danh sách chủng sinh cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nếu được chấp thuận thì Toà Giám mục tiến hành phong chức linh mục cho họ⁽⁴⁾ mà không cần phải thẩm tra lại lí lịch cá nhân. Đây là điểm mới thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà

4. Xem: Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Bản tin Hiệp Thông*, số 15, tháng 12 - 2002. tr. 62.

nước về vấn đề tôn giáo, phần nào đã giải quyết được một số vướng mắc còn tồn tại lâu nay đối với Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Từ năm 1994 đến nay, một số đại chủng viện chú trọng điều kiện tuyển chọn chủng sinh. Đại chủng viện liên giáo phận Thánh Giuse Hà Nội ưu tiên tuyển chọn những người đã tốt nghiệp đại học. Với những ứng sinh đang học đại học mà trúng tuyển vào chủng viện đều được khuyến khích tiếp tục công việc học tập và sẽ được gọi vào khoá học tiếp theo. Chính vì vậy, mặt bằng chất lượng chủng sinh được nâng lên. Nhiều người thông thạo tin học, sử dụng tốt từ 1 đến 2 ngoại ngữ.

Các ứng sinh phải có nền tảng gia đình vững chắc, sức khoẻ tốt và khả năng đời sống độc thân. Đòi hỏi này là một thử thách lớn đối với các ứng sinh để tiến bước trên con đường ơn gọi. Trong quá trình tu học, họ phải có lòng can đảm và bản lĩnh trước những cám dỗ của đời sống thế tục.

Ở Việt Nam, gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến nhân cách của mỗi con người tin theo và thực hành một tôn giáo. Người Việt Nam rất đề cao giá trị của gia đình. Gia đình đóng vai trò trợ lực rất quan trọng giúp cho ứng viên ngày một trưởng thành hơn, là “chủng viện đầu tiên” đóng góp tích cực cho công tác đào tạo của Giáo hội sau này.

Trong thời gian qua, ở một số giáo phận, còn một số chủng sinh lớn tuổi cần được đào tạo theo hình thức bổ túc ngắn hạn để phong chức linh mục. Hội đồng Giám mục Việt Nam đã có văn bản gửi Ban Tôn giáo Chính phủ đề đạt nguyện vọng này.

Sau khi được sự chấp thuận của Nhà nước, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã tiến hành mở lớp bổ túc ngắn hạn (2003 -

2005) cho 72 học viên, trong đó có 24 linh mục, 6 phó tế và 42 chủng sinh lớn tuổi thuộc 09 giáo phận: Lạng Sơn, Hưng Hoá, Hà Nội, Thái Bình, Phát Diệm, Bùi Chu, Kon Tum, Nha Trang và Phan Thiết. Hình thức đào tạo này đã gặp phải một vài bất cập cần khắc phục. Theo Linh mục Phó giám đốc Đại chủng viện Sao Biển: “Đa số chưa trải qua đời sống chung nên chưa có sự cộng tác vào công việc chung, số khác tự hào về trình độ dẫn đến việc bỏ giờ học; tư tưởng xu thời, hưởng thụ; đòi hỏi quá cao nơi các cha giáo; sống theo ý riêng”⁽⁵⁾.

2- Vấn đề đội ngũ giảng sư

Hầu hết các đại chủng viện ở Việt Nam đều thiếu hụt đội ngũ giảng sư. Chất lượng của việc đào tạo chủng sinh phụ thuộc phần lớn vào chất lượng của đội ngũ giảng sư. Theo thống kê năm 1997, tổng số giảng sư trọn thời gian và bán thời gian của 6 đại chủng viện dao động trong khoảng 60 - 70 người, bao gồm cả những vị ở các dòng tu. Đa số giảng sư đều ở ngoài chủng viện hoặc làm công tác mục vụ ở các giáo xứ. Đại chủng viện Thánh Giuse Thành phố Hồ Chí Minh có 11 vị; Huế và Cần Thơ mỗi nơi có 07 vị; Nha Trang có 04 vị; Vinh - Thanh và Hà Nội mỗi nơi có 3 vị⁽⁶⁾.

Tình trạng thiếu giảng sư chất lượng cao ở các đại chủng viện ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo; đặc biệt là nhu cầu về mối tương giao và đối thoại giữa thầy và chủng sinh bị xem nhẹ. Các thầy thường ít có thời gian để lắng nghe, cảm thông, chia sẻ và cung cấp những kiến thức cần thiết cho chủng sinh.

5. Xem: <http://www.hdgmvietnam.org>. (truy cập ngày 27/06/2007).

6. Theo: Linh mục Vincente Trần Văn Hào, Gioan Baotixita Nguyễn Minh Thực. Tlđđ. tr. 4.

Phẩm chất đạo đức của các giảng sư cũng hết sức quan trọng. Họ phải là những người khiêm tốn và đức độ, được tuyển chọn từ những người ưu tú, có nền tảng giáo lý vững chắc, kinh nghiệm mục vụ thích hợp, đặc biệt về phương pháp sư phạm⁽⁷⁾.

Các đại chủng viện thường xuyên có sự trao đổi kinh nghiệm đào tạo và chia sẻ lẫn nhau đội ngũ giảng dạy. Các đại chủng viện có nhiều giảng sư hơn đến giúp đỡ các cơ sở đang có nhu cầu đào tạo nhưng lại thiếu giảng sư. Cách làm đó tạm thời khắc phục vấn đề thiết hụt giảng sư ở các đại chủng viện. Hiện nay, Giáo hội Công giáo Việt Nam đã gửi khoảng 50 linh mục tu học ở Rôma, Paris, Philippines, Hoa Kỳ, v.v... Chắc hẳn các vị đó sẽ là nguồn bổ sung cho đội ngũ giảng dạy ở các đại chủng viện của Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Dưới đây là bảng thống kê tổng quát về các đại chủng viện tại Việt Nam năm 2005 - 2006⁽⁸⁾:

| ĐẠI CHỦNG VIỆN | CHỦNG SINH | LINH MỤC THƯỜNG TRÚ | THỈNH GIẢNG |
|-------------------|----------------|---------------------|-------------|
| Hà Nội | 245 | 7 | 22 |
| Vinh - Thanh | 126 | 5 | 13 |
| Huế | 94 | 12 | 20 |
| Nha Trang | 94 (+76) = 170 | 7 | 12 |
| Sài Gòn | 236 | 11 | 20 |
| Cần Thơ | 199 | 8 | 16 |
| Tổng cộng: | 1.070 | 50 | 103 |

Một vấn đề nữa đang đặt ra cho công tác đào tạo là đa số giảng sư ở các đại chủng viện là các giảng sư kiêm nhiệm hoặc thỉnh giảng nên chương trình học tập của các chủng sinh thường bị động, bị gián đoạn, dẫn đến chủng sinh thường phải học bù vào ngày nghỉ.

3- Nội dung chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của các đại chủng viện luôn theo sát chỉ thị của Bộ

Giáo sĩ, Bộ Giáo dục Công giáo của Tòa Thánh và các văn kiện liên quan của Công đồng Vatican II như *Sắc lệnh về đào tạo linh mục* (Optatum Totius), *Sắc lệnh về chức vụ và đời sống các linh mục* (Presbyterorum Ordinis).

Về phương pháp đào tạo. Các đại chủng viện áp dụng phương pháp kết hợp truyền thống với hiện đại trong công tác đào tạo; tạo cho chủng sinh nhiều cơ hội để phát huy sáng kiến cá nhân trong quá trình học tập. Chủng sinh sinh hoạt tập thể theo tổ, theo nhóm. Ngoài ra, họ còn được dành thời gian theo dõi thời sự trong nước và ngoài nước qua sách báo và truyền hình.

Về nội dung chương trình đào tạo. Nội dung chương trình giảng dạy tại các đại chủng viện Công giáo Việt Nam dựa theo chương trình của các đại chủng viện trên thế giới, gồm các môn: Giáo lý, Triết học,

Thần học tín lý, Thần học luân lý cơ bản, Thánh kinh, Giáo luật, Phụng vụ, Tu đức, Lịch sử Giáo hội, Mầu nhiệm Kitô giáo, Giáo phụ, v.v... Bên cạnh đó, chủng sinh còn được học các môn Việt văn và Giáo dục công dân, sẽ được đề cập ở phần sau.

7. Xem: Linh mục Vincentê Trần Văn Hào, Gioan Baotixita Nguyễn Minh Thục. Tlđđ, tr. 565.

8. Xem: <http://www.hdgmvietnam.org>. (truy cập ngày 27/06/2007).

Trong 6 năm tu học tại đại chủng viện (không kể 1 năm thực tập), chương trình học tập của chủng sinh được bố trí sát sao, chặt chẽ, chia thành 12 học kì, với từ 20 đến 36 môn học, tương ứng với từ 2.270 đến 3.300 tiết học.

Về thời gian thực tập mục vụ. Thời gian học tập mỗi khoá do Giáo hội đề nghị, được Nhà nước chấp thuận là 7 năm, trong đó có 1 năm thực tập mục vụ. Việc thực tập mục vụ diễn ra vào giữa khoá hay cuối khoá do Ban Giám đốc đại chủng viện quy định. Phần lớn các đại chủng viện bố trí chủng sinh thực tập mục vụ sau khi học hết 2 hoặc 3 năm đầu. Cuối mỗi năm học, chủng sinh được nghỉ hè, chủ yếu về giúp linh mục ở các xứ đạo, họ đạo trong các công việc mục vụ.

Thực tập mục vụ là một nội dung quan trọng trong quá trình đào tạo chủng sinh ở các đại chủng viện. Tại Đại chủng viện Vinh - Thanh, để giúp người linh mục tương lai làm quen với công tác mục vụ, Ban Giám đốc đã tổ chức cho chủng sinh những buổi tham quan, học hỏi, hoặc những buổi dã ngoại, thăm các trường khuyết tật, gặp gỡ giới trẻ các giáo xứ, dạy giáo lí dự tòng, tân tòng, v.v... Những hoạt động ngoài đại chủng viện đều được coi là phần thực hành song song với lí thuyết.

Môn Giáo dục công dân. Các chủng sinh, ngoài việc thực thi bổn phận trong đạo, còn phải có trách nhiệm công dân. Vì vậy, trong chương trình đào tạo ở các đại chủng viện đều có môn học *Giáo dục công dân*. Đây là môn học bắt buộc đối với chương trình đào tạo của các trường tôn giáo ở Việt Nam. Điều 24, *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* quy định: “Môn học về lịch sử Việt Nam, pháp luật Việt Nam là các môn học chính khoá trong chương trình đào tạo tại trường đào tạo những

người chuyên hoạt động tôn giáo”. Môn học này thường do giảng viên các trường đại học khoa học xã hội và nhân văn hoặc trường chính trị tỉnh, thành phố đảm nhiệm.

Mặc dù được quy định một cách rõ ràng trong các văn bản của Nhà nước Việt Nam, nhưng cho đến nay, có lúc có nơi, môn học Giáo dục công dân vẫn chưa được thực hiện đầy đủ. Giảng viên của môn học này do Ban Tôn giáo, Sở Giáo dục và Đào tạo nơi có đại chủng viện tự bố trí sắp xếp. Do vậy, việc kiểm tra đánh giá chất lượng dạy và học chưa thống nhất. Vấn đề này đã được các đại chủng viện của Giáo hội Công giáo Việt Nam kiến nghị với đại diện các cấp chính quyền xem xét, giải quyết.

Từ năm 2004 đến nay, không còn tên gọi môn *Giáo dục công dân* nữa⁽⁹⁾. Nội dung này được chia thành 3 phần học bắt buộc trong chương trình của đại chủng viện, đó là: Lịch sử dân tộc, Kiến thức pháp luật - quyền và nghĩa vụ công dân, và Chính sách pháp luật về tôn giáo của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có văn bản pháp quy phân công, phân cấp cụ thể giữa Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh, thành phố trong công tác quản lí đối với các hoạt động giáo dục đào tạo của đại chủng viện. Sự phối hợp giữa Ban Tôn giáo tỉnh, thành phố nơi có đại chủng viện với Ban Tôn giáo tỉnh, thành phố nơi có chủng sinh được cử đi học mới chỉ dừng lại ở việc quản lí chương trình, nội dung môn giáo dục công dân tại các đại

9. Ban Tôn giáo Chính phủ: *Báo cáo về tình hình các Đại chủng viện đạo Công giáo; Công tác quản lí Nhà nước đối với Đại chủng viện; Một số kiến nghị đề xuất*. Tháng 4/2004.

chủng viện. Chính vì vậy, trong thời gian qua, vấn đề chương trình giảng dạy tại các đại chủng viện còn gặp nhiều khó khăn, nhất là trong việc xây dựng một nội dung chương trình đào tạo thống nhất cho tất cả các đại chủng viện Công giáo ở Việt Nam.

Hình thức đào tạo chức sắc hiện nay khá đa dạng và linh hoạt. Có hình thức đào tạo chính quy, nhưng cũng có hình thức đào tạo bổ túc, tu nghiệp ngắn hạn nhằm bổ sung kiến thức và hợp thức hoá trình độ đào tạo cho những người đã học ở đại chủng viện trước đây nhưng chưa hết chương trình đào tạo⁽¹⁰⁾.

4- Hội nghị đại diện các đại chủng viện

Đây là một nội dung sinh hoạt nằm trong kế hoạch 2 năm 1 lần, được tổ chức luân phiên tại 6 đại chủng viện Công giáo. Trong các hội nghị này, đại diện của các đại chủng viện nghe báo cáo thường niên của mỗi đại chủng viện, qua đó nắm bắt và định lượng một cách rõ ràng hơn những nhu cầu cụ thể của việc đào tạo chức sắc đối với mỗi giáo hội địa phương. Bên cạnh đó, để công tác đào tạo chức sắc được tốt hơn, hội nghị cũng nêu một số kiến nghị có liên quan đối với cả phía Giáo hội lẫn phía các cơ quan chức năng của Nhà nước.

Về phía Giáo hội là những kiến nghị xung quanh công tác đào tạo chức sắc, đặc biệt là vai trò của linh mục giáo xứ trong việc thực tập mục vụ của các chủng sinh.

Về phía Nhà nước là những kiến nghị giảm số tiết học môn giáo dục công dân, là thời gian chiêu sinh, là mở cơ sở đào tạo tiên chủng sinh.

Nhu cầu cấp thiết hiện nay là cần nhiều giảng sư chất lượng cao thông qua

các cuộc hội thảo, hội nghị trao đổi kinh nghiệm đào tạo giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam và Giáo hội Công giáo các nước trong khu vực.

Việc tổ chức hội nghị luân phiên tại 06 đại chủng viện Công giáo Việt Nam 2 năm 1 lần là một dịp để các đại biểu bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị lên cơ quan hữu quan nhà nước và Giáo hội Công giáo Việt Nam để cùng nhau xem xét giải quyết; đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm, nâng đỡ và khích lệ nhau trong việc đào tạo các chức sắc của Giáo hội trong tương lai.

5- Một số kết quả đào tạo chức sắc của Giáo hội Công giáo Việt Nam từ năm 1990 đến nay

Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội là nơi đào tạo chức sắc cho 8 giáo phận: Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Hoá, Phát Diệm, Thái Bình, Bùi Chu, Bắc Ninh và Lạng Sơn. Từ khoá V (1992 - 2001) đến khoá X (2004 - 2011), Đại chủng viện đã đào tạo được tổng số 363 chủng sinh, trong đó khoá nhiều nhất là 79 người (khoá X) và khóa ít nhất là 48 người (khoá VII).

Đại chủng viện Vinh - Thanh (Nghị Lộc - Nghệ An) là nơi đào tạo chức sắc cho hai giáo phận Vinh và Thanh Hoá. Khóa đầu tiên khai giảng ngày 22/11/1988. Số chủng sinh các khoá đã ra trường là 138 người, trong đó khoá nhiều nhất là 31 người (khoá I) và khóa ít nhất là 23 người (khoá III).

Đại chủng viện Huế, khai giảng ngày 22/11/1994, đào tạo chức sắc cho 3 giáo phận: Huế, Đà Nẵng, Kon Tum. Tính đến năm 2003, số chủng sinh là 89 người, bao gồm 4 khoá, trong đó khoá nhiều nhất là

10. Xem: Nguyễn Hồng Dương. *Về hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam - Vấn đề nhân sự và đào tạo*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 5 - 2005. tr. 40.

29 người (khoá V) và khoá ít nhất là 15 người (khoá III).

Đại chủng viện Thánh Giuse TP. Hồ Chí Minh, khai giảng ngày 9/2/1987, là nơi đào tạo chức sắc cho 6 giáo phận: TP. Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Phan Thiết, Phú Cường, Mỹ Tho và Xuân Lộc. Sau 17 năm hoạt động (1986 - 2003), số chủng sinh ra trường là 232 người, số thụ phong linh mục là 173 người.

Đại chủng viện Thánh Quý (Cái Răng - TP. Cần Thơ), thành lập năm 1988, đào tạo chức sắc cho 3 giáo phận: Cần Thơ, Vĩnh Long, Long Xuyên. Tính đến năm 2003 đã chiêu sinh và đào tạo được 7 khoá với 349 người, trong đó có 133 người đã thụ phong linh mục.

Đại chủng viện Sao Biển (Nha Trang - Khánh Hoà), thành lập ngày 31/12/1991, đến nay đã khai giảng được 8 khoá học chính quy với 247 chủng sinh thuộc 3 giáo phận: Nha Trang, Quy Nhơn và Buôn Mê Thuột. Ngoài ra, Đại chủng viện Sao Biển còn tổ chức các khoá bổ túc thần học ngắn hạn dành cho chủng sinh đã lớn tuổi của các giáo phận.

III. THAY LỜI KẾT

Có thể nói, trước năm 1986, vấn đề đào tạo chức sắc chưa được Giáo hội Công giáo Việt Nam và Nhà nước Việt Nam quan tâm một cách đầy đủ. Phạm Ngọc

Trần nhận xét: “Từ 1975 - 1986, số linh mục và chủng sinh giảm sút. Từ 1986, với sự mở cửa tuần tự của 6 đại chủng viện thì số linh mục và chủng sinh tăng dần trở lại. Tuy nhiên, dù trải qua một giai đoạn đại chủng viện đóng cửa, nhưng Việt Nam vẫn được nhìn nhận là một đất nước không hề giảm sút ơn gọi linh mục cũng như ơn gọi tu trì và số tân linh mục trong 25 năm chiếm một tỉ lệ đáng kể so với lớp đàn anh”⁽¹¹⁾.

Sau năm 1986, nhất là từ năm 1990 đến nay, do sự đổi mới về nhận thức và nhìn nhận khách quan thấu đáo từ cả phía Giáo hội lẫn phía Nhà nước nên chất lượng đào tạo chức sắc Công giáo Việt Nam ngày càng được nâng cao, số lượng chiêu sinh ở mỗi khoá cũng ngày một tăng; hình thức đào tạo đa dạng và linh hoạt, có sự kết hợp giữa hình thức đào tạo chính quy với hình thức bổ túc nhằm giúp cho chủng sinh ở các giai đoạn trước đây vì nhiều lí do khác nhau chưa học hết chương trình đào tạo. Hình thức đó đã tạo những điều kiện thuận lợi cho chủng sinh trong việc được thụ phong linh mục sau này./.

11. Xem: Phạm Ngọc Trần: *Linh mục và lời nhắn nhủ*. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 77 tháng 5/2001, tr. 71